

Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2025

## **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa**

Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuốc biệt dược gốc thuộc dự án mua sắm thuốc năm 2026 bằng nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới.

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên: Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới
- Địa chỉ: Đường Hữu Nghị, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên: Bùi Lê Hoa Mai
- Chức vụ: Kế toán
- Điện thoại: 034.647.1089
- Email: [thuoc.bvcubadonghoi@gmail.com](mailto:thuoc.bvcubadonghoi@gmail.com)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Báo giá gửi trực tiếp về địa chỉ: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, Đường Hữu Nghị, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 07h00 ngày 19 tháng 12 năm 2025 đến trước 07h00 ngày 29 tháng 12 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 210 ngày, kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá**

1. Danh mục hàng hóa

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản thuốc:

- Địa điểm giao hàng: Khoa Dược, bệnh Viện Hữu Nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới.
- Thuốc phải được đóng gói theo đúng quy cách của Nhà sản xuất và không bị hư hỏng, nứt vỡ, biến dạng trong quá trình giao hàng. Công ty chịu chi phí vận chuyển hàng, bốc xếp; chi phí trả lại hàng (nếu hàng hóa không đạt yêu cầu).

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- Tiến độ cung cấp: 03-05 ngày kể từ ngày nhận được kế hoạch gọi hàng của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: không tạm ứng.

5. Công ty chào giá một hoặc nhiều lô phần trong kế hoạch của bệnh viện.

Đề nghị các công ty chào giá đã bao gồm thuế, phí theo quy định và toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ tại đơn vị sử dụng

6. Lưu ý: Các báo giá không đáp ứng các yêu cầu sau đây sẽ bị loại:

- Báo giá thiếu các thông tin về ngày/tháng/năm, báo giá có hiệu lực dưới 210 ngày kể từ ngày 29/12/2025, báo giá không ký tên của người có thẩm quyền hoặc không đóng dấu.

- Hàng hóa chào giá không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu theo yêu cầu.

- Báo giá gửi về sau thời hạn 07h00 ngày 29 tháng 12 năm 2025.

7. Mẫu báo giá: Theo phụ lục đính kèm.

**Nơi nhận:**

- Website MSC; BV;
- Lưu VT./.

GIÁM ĐỐC



\*Nguyễn Đức Cường

## Phụ lục 1

## DANH MỤC THUỐC BIỆT ĐƯỢC GỐC YÊU CẦU BẢO GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu bảo giá số 534 /BVCB ngày 17 tháng 12 năm 2025)

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất *	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Xylocaine Jelly hoặc tương đương	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat) 2%	2% x 30g	Dùng ngoài	BDG	Gel	Tuýp	840
2	Diprivan hoặc tương đương	Propofol	10mg/ml x 20ml	Tiêm	BDG	Nhũ tương tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Óng	1.800
3	Diprivan hoặc tương đương	Propofol	10mg/ml (1% w/v) x 50ml	Tiêm	BDG	Nhũ tương tiêm/ truyền tĩnh mạch	Bom tiêm	500
4	Anaropin hoặc tương đương	Ropivacain HCl (dưới dạng Ropivacain HCl monohydrat)	5mg/ml x 10ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Óng	180
5	Sevorane hoặc tương đương	Sevofluran	250ml	Đường hô hấp	BDG	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Chai	600
6	Celebrex hoặc tương đương	Celecoxib	200mg	Uống	BDG	Viên nang cứng	Viên	13.600
7	Voltaren 75mg/3ml hoặc tương đương	Diclofenac natri	75mg/3ml	Tiêm	BDG	Dung dịch thuốc tiêm	Óng	22.000
8	Voltaren hoặc tương đương	Natri diclofenac	75mg	Uống	BDG	Viên nén phóng thích chậm	Viên	35.000
9	Voltaren hoặc tương đương	Diclofenac natri	100mg	Đặt hậu môn	BDG	Viên đạn	Viên	16.000
10	Voltaren Emulgel hoặc tương đương	Diclofenac diethylamine	1,16g/100g	Dùng ngoài	BDG	Gel bôi ngoài da	Tuýp	2.800
11	Arcoxia 60mg hoặc tương đương	Etoricoxib	60mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	1.800
12	Simponi hoặc tương đương	Golimumab	50mg/0,5ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Bút tiêm	30
13	Aclasta hoặc tương đương	Mỗi 100ml chứa: Acid Zoledronic khan (tương ứng 5,33 mg acid zoledronic monohydrate) 5mg	5mg/100ml	Tiêm	BDG	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai	80

2

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
14	Zometa hoặc tương đương	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Acid zoledronic (dưới dạng Acid zoledronic monohydrate)	4mg	Tiêm	BDG	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai	50
15	Bridion hoặc tương đương	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	200mg/2ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Lọ	20
16	Tegretol CR 200 hoặc tương đương	Carbamazepine	200mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	Viên	12.600
17	Neurontin hoặc tương đương	Gabapentin	300mg	Uống	BDG	Viên nang cứng	Viên	28.000
18	Keppra hoặc tương đương	Levetiracetam	500mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	6.000
19	Lyrica hoặc tương đương	Pregabalin	150mg	Uống	BDG	Viên nang cứng	Viên	3.600
20	Depakine Chrono hoặc tương đương	Natri valproate; Acid valproic	333,00mg; 145,00mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Viên	45.000
21	Augmentin 1g hoặc tương đương	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	10.000
22	Augmentin 625mg tablets hoặc tương đương	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 125mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	10.000
23	Augmentin 250mg/31,25mg hoặc tương đương	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	250mg + 31,25mg	Uống	BDG	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	20.000
24	Unasyn hoặc tương đương	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) + Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri)	0.5g ; 1g	Tiêm	BDG	Thuốc bột pha tiêm, truyền	Lọ	13.000

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
25	Tazocin hoặc tương đương	Piperacillin (dưới dạng Piperacillin natri), Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri)	4g + 0,5g	Tiêm	BDG	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	800
26	Rocephin 1g I.V hoặc tương đương	Ceftriaxone (dưới dạng ceftriaxone natri) 1gam	1g	Tiêm	BDG	Thuốc bột pha tiêm	Lọ	3.500
27	Zinnat tablets 250mg hoặc tương đương	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	10.000
28	Zinnat tablets 500mg hoặc tương đương	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	10.000
29	Invanz hoặc tương đương	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri) 1g	1g	Tiêm	BDG	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	2.200
30	Meronem hoặc tương đương	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	1000mg	Tiêm	BDG	Bột pha dung dịch tiêm/ truyền tĩnh mạch	Lọ	12.000
31	Meronem hoặc tương đương	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	500mg	Tiêm	BDG	Bột pha dung dịch tiêm/ truyền tĩnh mạch	Lọ	5.000
32	Tobrex hoặc tương đương	Tobramycin	3mg/ml	Nhỏ mắt	BDG	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	1.000
33	Tobradex hoặc tương đương	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/1ml	Nhỏ mắt	BDG	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	2.800
34	Tobradex hoặc tương đương	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/gram	Tra mắt	BDG	Mỡ tra mắt	Tuýp	900
35	Dalacin C hoặc tương đương	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin Hydrochloride)	300mg	Uống	BDG	Viên nang cứng	Viên	4.500
36	Klacid 250mg hoặc tương đương	Clarithromycin	250mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	28.000
37	Ciprobay 500 hoặc tương đương	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochloride)	500mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	5.000
38	Ciprobay 400mg/200ml hoặc tương đương	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochloride)	400mg/200ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm truyền		1.000

Lu

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
39	Cravit 1.5% hoặc tương đương	Levofloxacin hydrat	75mg/5ml	Nhỏ mắt	BDG	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	2.000
40	Vigamox hoặc tương đương	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	5mg/1ml	Nhỏ mắt	BDG	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	2.500
41	Oflovid ophthalmic ointment hoặc tương đương	Ofloxacin	0,3%	Tra mắt	BDG	Thuốc mỡ tra mắt	Tuýp	560
42	Oflovid hoặc tương đương	Ofloxacin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	BDG	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	2.800
43	Tygacil hoặc tương đương	Tigecyclin	50mg	Tiêm	BDG	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	50
44	Cancidas hoặc tương đương	Caspofungin (dưới dạng caspofungin acetate 55,5 mg ) 50,0 mg	50mg	Tiêm	BDG	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	70
45	Cancidas hoặc tương đương	Caspofungin (dưới dạng caspofungin acetate 77,7 mg) 70 mg	70mg	Tiêm	BDG	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	10
46	Diflucan IV hoặc tương đương	Fluconazole	200mg/100ml	Tiêm truyền	BDG	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Lọ	130
47	Diflucan hoặc tương đương	Fluconazole	150mg	Uống	BDG	Viên nang cứng	Viên	500
48	Mycamine for injection 50mg/vial hoặc tương đương	Micafungin natri (dạng hoạt tính)	50mg	Tiêm	BDG	Bột đông khô pha dung dịch tiêm	Lọ	35
49	Taxotere hoặc tương đương	Docetaxel khan (dưới dạng Docetaxel trihydrate)	20mg/1ml	Tiêm	BDG	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	80
50	Taxotere hoặc tương đương	Docetaxel khan (dưới dạng Docetaxel trihydrate)	80mg/4ml	Tiêm	BDG	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	50
51	Gemzar hoặc tương đương	Gemcitabine (dưới dạng Gemcitabine hydrochloride)	1000mg	Tiêm	BDG	Bột đông khô để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	90
52	Gemzar hoặc tương đương	Gemcitabine (dưới dạng Gemcitabine hydrochloride)	200mg	Tiêm	BDG	Bột đông khô để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	90

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
53	Campto hoặc tương đương	Irinotecan hydrochloride trihydrate	40mg/2ml	Tiêm	BDG	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	250
54	Eloxatin hoặc tương đương	Oxaliplatin	100mg/20ml	Tiêm	BDG	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	90
55	Eloxatin hoặc tương đương	Oxaliplatin	50mg/10ml	Tiêm	BDG	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	90
56	Anzatax 100mg/16,7ml hoặc tương đương	Paclitaxel	100mg/16,7 ml	Tiêm	BDG	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	280
57	Anzatax 30mg/5ml hoặc tương đương	Paclitaxel	30mg/5ml	Tiêm	BDG	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	150
58	Alimta hoặc tương đương	Pemetrexed (dưới dạng Pemetrexed dinatri heptahydrat)	500mg	Tiêm	BDG	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	40
59	Alimta hoặc tương đương	Pemetrexed (dưới dạng Pemetrexed dinatri heptahydrat)	100mg	Tiêm	BDG	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	120
60	Navelbine 20mg hoặc tương đương	Vinorelbine (dưới dạng vinorelbine ditartrate)	20mg	Uống	BDG	Viên nang mềm	Viên	1.000
61	Navelbine 30mg hoặc tương đương	Vinorelbine (dưới dạng vinorelbine ditartrate)	30mg	Uống	BDG	Viên nang mềm	Viên	700
62	Giotrif hoặc tương đương	Afatinib (dưới dạng Afatinib dimaleate)	40mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	300
63	Giotrif hoặc tương đương	Afatinib (dưới dạng Afatinib dimaleate)	30mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	200
64	Avastin hoặc tương đương	Bevacizumab	100mg/4ml	Tiêm	BDG	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	50

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
65	Avastin hoặc tương đương	Bevacizumab	400mg/16ml	Tiêm	BDG	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền	Lọ	9
66	Tarceva hoặc tương đương	Erlotinib	150mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	360
67	Iressa hoặc tương đương	Gefitinib	250mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	1.200
68	Mabthera hoặc tương đương	Rituximab	500mg/ 50ml	Tiêm	BDG	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	25
69	Mabthera hoặc tương đương	Rituximab	100mg	Tiêm	BDG	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	30
70	Nexavar hoặc tương đương	Sorafenib (dạng tosylate)	200mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	2.100
71	Herceptin hoặc tương đương	Trastuzumab	150mg	Tiêm	BDG	Bột đông khô để pha dung dịch truyền	Lọ	80
72	Herceptin hoặc tương đương	Trastuzumab	440mg	Tiêm	BDG	Bột đông khô để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	8
73	Arimidex hoặc tương đương	Anastrozole	1mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	11.000
74	Casodex hoặc tương đương	Bicalutamide	50mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	1.000
75	Aromasin hoặc tương đương	Exemestane	25mg	Uống	BDG	Viên nén bao đường	Viên	2.100
76	Faslodex hoặc tương đương	Fulvestrant	50mg/ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	90
77	Zoladex hoặc tương đương	Goserelin (dưới dạng goserelin acetat)	10,8mg	Tiêm	BDG	Thuốc cấy dưới da giải phóng kéo dài chứa trong bơm tiêm	Bơm tiêm	180
78	Zoladex hoặc tương đương	Goserelin (dưới dạng Goserelin acetat)	3,6mg	Tiêm	BDG	Thuốc cấy dưới da (dạng bơm tiêm đóng sẵn)	Bơm tiêm	1.000
79	Femara hoặc tương đương	Letrozole	2,5mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	1.400
80	Nolvadex-D hoặc tương đương	Tamoxifen (dưới dạng tamoxifen citrat)	20mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	60.000

Pa

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
81	Avodart hoặc tương đương	Dutasteride	0,5mg	Uống	BDG	Viên nang mềm	Viên	2.000
82	Vesicare 5mg hoặc tương đương	Solifenacin succinate	5mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	2.000
83	Harnal Ocas 0,4mg hoặc tương đương	Tamsulosin hydroclorid	0,4mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim phóng thích chậm	Viên	10.000
84	Lovenox hoặc tương đương	Enoxaparin natri	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/0,4ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	2.000
85	Lovenox hoặc tương đương	Enoxaparin natri	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/0,6ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	200
86	Neupogen hoặc tương đương	Filgrastim	30 MU/0,5ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	150
87	Neulastim hoặc tương đương	Pegfilgrastim	6mg/0,6ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	16
88	Vastarel MR hoặc tương đương	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Uống	BDG	viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	Viên	70.000
89	Cordarone hoặc tương đương	Amiodarone hydrochloride	200mg	Uống	BDG	Viên nén	Viên	300
90	Amlor hoặc tương đương	Amlodipine (dưới dạng amlodipine besilate)	5mg	Uống	BDG	Viên nang cứng	Viên	50.000
91	Exforge hoặc tương đương	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate), Valsartan	5mg + 80mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	55.000
92	Exforge hoặc tương đương	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate), Valsartan	10mg+160mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	18.000
93	Concor Cor hoặc tương đương	Bisoprolol fumarate	2,5mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	180.000
94	Concor 5mg hoặc tương đương	Bisoprolol fumarate	5mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	90.000

24

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
95	Betaloc Zok 25mg hoặc tương đương	Metoprolol succinat	23,75mg (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol)	Uống	BDG	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	290.000
96	Betaloc Zok 50mg hoặc tương đương	Metoprolol succinat	47,5mg (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	Uống	BDG	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	140.000
97	Nebilet hoặc tương đương	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydrochloride)	5mg	Uống	BDG	Viên nén	Viên	85.000
98	Adalat LA 30mg hoặc tương đương	Nifedipin	30mg	Uống	BDG	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	30.000
99	Coversyl 10mg hoặc tương đương	Perindopril arginine (tương ứng với 6,790 mg perindopril)/10 mg	10mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	90.000
100	Coversyl 5mg hoặc tương đương	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5 mg	5mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	160.000
101	Micardis hoặc tương đương	Telmisartan	40mg	Uống	BDG	Viên nén	Viên	5.000
102	Diovan 80 hoặc tương đương	Valsartan	80mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	36.000
103	Procoralan 5mg hoặc tương đương	Ivabradine (dưới dạng Ivabradine hydrochloride 5,390mg) 5mg	5mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	22.000
104	Procoralan 7.5mg hoặc tương đương	Ivabradine (dưới dạng Ivabradine hydrochloride 8,085mg) 7,5mg	7,5mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	15.000
105	Duoplavin hoặc tương đương	Acid acetylsalicylic, Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat)	100mg; 75mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	1.500

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
106	Actilyse hoặc tương đương	Alteplase	50mg	Tiêm	BDG	Bột đông khô và dung môi để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	125
107	Eliquis hoặc tương đương	Apixaban	5mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	4.000
108	Plavix 75mg hoặc tương đương	Clopidogrel hydrogen sulphate tương đương 97,875mg với Clopidogrel base	75mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	20.000
109	Xarelto hoặc tương đương	Rivaroxaban	10mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	1.000
110	Xarelto hoặc tương đương	Rivaroxaban	15mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	1.500
111	Xarelto hoặc tương đương	Rivaroxaban	20 mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	6.500
112	Xarelto hoặc tương đương	Rivaroxaban	2,5mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	1.000
113	Brilinta hoặc tương đương	Ticagrelor	90mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	60.000
114	Brilinta hoặc tương đương	Ticagrelor	60mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	21.000
115	Lipitor hoặc tương đương	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin Hemi-calci.1,5H <sub>2</sub> O)	20mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	30.000
116	Lipanthyl NT 145mg hoặc tương đương	Fenofibrat (dưới dạng fenofibrate nanoparticules)	145mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	42.000
117	Crestor hoặc tương đương	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci 5,2mg)	5mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	180.000
118	Crestor 10mg hoặc tương đương	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	180.000
119	Crestor 20mg hoặc tương đương	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	20mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	60.000
120	Ilomedin 20 hoặc tương đương	Iloprost (dưới dạng Iloprost trometamol)	20mcg/ml	Tiêm	BDG	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Ống	50
121	Daivonex hoặc tương đương	Calcipotriol	50mcg/g	Dùng ngoài	BDG	Thuốc mỡ	Tuýp	100

2

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
122	Xenetix 300 hoặc tương đương	Iodine (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml)	Iodine 30g/100ml (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml); lọ 100ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Lọ	3.000
123	Xenetix 350 hoặc tương đương	Iodine (dưới dạng Iobitridol 76,78g/100ml)	Iodine 35g/100ml; (dưới dạng Iobitridol 76,78g/100ml); lọ 100ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Lọ	1.000
124	Omnipaque hoặc tương đương	Iohexol	647mg/ml tương đương Iod 300mg/ml x 100ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Chai	2.000
125	Omnipaque hoặc tương đương	Iohexol	647mg/ml tương đương Iod 300mg/ml x 50ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Chai	2.000
126	Omnipaque hoặc tương đương	Iohexol	755mg/ml tương đương Iod 350mg/ml x 100ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Chai	600
127	Iopamiro hoặc tương đương	Iopamidol	Iod 300mg/ml (dưới dạng Iopamidol 612,4 mg/ml) x 50ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm vào khoang nội tủy, động mạch, tĩnh mạch	Chai	700
128	Iopamiro hoặc tương đương	Iopamidol	Iod 300mg/ml (dưới dạng Iopamidol 612,4 mg/ml) x 100ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Chai	600
129	Iopamiro hoặc tương đương	Iopamidol	Iod 370mg/ml (dưới dạng Iopamidol 755,3 mg/ml) x 100ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Chai	500
130	Ultravist 300 hoặc tương đương	Iopromide	623,40mg/ml x 50ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Chai	2.800
131	Ultravist 300 hoặc tương đương	Iopromide	623,40mg/ml x 100ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Chai	800
132	Ultravist 370 hoặc tương đương	Iopromide (tương ứng với 370mg Iod)	768,86 mg/ml x 100ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Chai	700

*Handwritten mark*

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
133	Nexium hoặc tương đương	Esomeprazole natri	42,5mg (tương đương với esomeprazol 40mg)	Tiêm	BDG	Bột pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	Lọ	1.000
134	Nexium Mups hoặc tương đương	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	Uống	BDG	Viên nén kháng dịch dạ dày	Viên	8.000
135	Nexium hoặc tương đương	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesi trihydrate)	10mg	Uống	BDG	Cốm kháng dịch dạ dày để pha hỗn dịch uống	Gói	500
136	Pantoloc i.v hoặc tương đương	Pantoprazole (dưới dạng Pantoprazole sodium sesquihydrate)	40mg	Tiêm	BDG	Bột đông khô pha tiêm tĩnh mạch	Lọ	2.800
137	Pariet Tablets 20mg hoặc tương đương	Rabeprazole sodium	20mg	Uống	BDG	Viên nén bao tan trong ruột	Viên	5.000
138	Aloxi hoặc tương đương	Palonosetron hydroclorid	0,25mg/5ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	80
139	Duphalac hoặc tương đương	Lactulose	10g/15ml	Uống	BDG	Dung dịch uống	Gói	50.000
140	No-Spa 40mg/2ml hoặc tương đương	Drotaverine hydrochloride	40mg/2ml	Tiêm	BDG	Dung dịch thuốc tiêm	Ống	3.500
141	Hidrasec 30mg Children hoặc tương đương	Racecadotril	30mg/gói	Uống	BDG	Thuốc bột uống	Gói	1.400
142	Hidrasec 10mg Infants hoặc tương đương	Racecadotril	10mg/gói	Uống	BDG	Thuốc bột uống	Gói	10.000
143	Daflon 500mg hoặc tương đương	Phân đoạn Flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90% 450mg; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10% 50mg	450mg; 50mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	30.000
144	Elthon 50mg hoặc tương đương	Itoprid hydroclorid	50mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	100.000
145	Debridat hoặc tương đương	Trimebutine maleate	100mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	1.000

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
146	Solu-Medrol hoặc tương đương	Methylprednisolone (dưới dạng Methylprednisolone natri succinat)	40mg	Tiêm	BDG	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	20.000
147	Medrol hoặc tương đương	Methylprednisolone	4mg	Uống	BDG	Viên nén	Viên	18.200
148	Duphaston hoặc tương đương	Dydrogesterone	10mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	2.000
149	Diamicon MR 60mg hoặc tương đương	Gliclazide	60mg	Uống	BDG	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Viên	220.000
150	Apidra Solostar hoặc tương đương	Insulin glulisine	300 đơn vị/3ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Bút tiêm	3.600
151	Humalog Kwikpen hoặc tương đương	Insulin lispro	300U (trong đường 10,5mg)/3ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Bút tiêm	1.000
152	Lantus solostar hoặc tương đương	Insulin glargine	100 đơn vị/1ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Bút tiêm	1.300
153	NovoMix 30 FlexPen hoặc tương đương	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (trong đường 3,5 mg)	100U/1ml (30/70 (trong đường 3,5 mg))	Tiêm	BDG	Hỗn dịch tiêm	Bút tiêm	3.800
154	Glucophage XR 1000mg hoặc tương đương	Metformin hydrochlorid	1000mg	Uống	BDG	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	110.000
155	Glucophage XR 750mg hoặc tương đương	Metformin hydrochlorid	750mg	Uống	BDG	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	190.000
156	Januvia 50mg hoặc tương đương	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 50mg	50mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	1.000
157	Janumet 50mg/1000mg hoặc tương đương	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate); Metformin Hydrochloride	50mg, 1000mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	1.000
158	Galvus hoặc tương đương	Vildagliptin	50mg	Uống	BDG	Viên nén	Viên	30.000

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
159	Forxiga hoặc tương đương	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	10mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	240.000
160	Jardiance hoặc tương đương	Empagliflozin	25mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	10.000
161	Jardiance hoặc tương đương	Empagliflozin	10mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	95.000
162	Minirin hoặc tương đương	Desmopressin (dưới dạng Desmopressin acetat)	0,089mg (0,1mg)	Uống	BDG	Viên nén	Viên	3.500
163	Combigan hoặc tương đương	Brimonidine tartrate + Timolol (dưới dạng Timolol maleat)	2mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	BDG	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	182
164	Azopt hoặc tương đương	Brinzolamide	10mg/ml	Nhỏ mắt	BDG	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	234
165	Flumetholon 0,1 hoặc tương đương	Fluorometholon	5mg/5ml	Nhỏ mắt	BDG	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	700
166	Lotemax hoặc tương đương	Loteprednol etabonate	0,5% (5mg/ml)	Nhỏ mắt	BDG	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	450
167	Diquas hoặc tương đương	Natri diquafosol	150mg/5ml	Nhỏ mắt	BDG	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	3.000
168	Sanlein 0.3 hoặc tương đương	Natri hyaluronat tinh khiết	15mg/5ml	Nhỏ mắt	BDG	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	3.200
169	HYALGAN hoặc tương đương	Natri hyaluronate	20mg/ 2ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm trong khớp	Bơm tiêm	180
170	Nevanac hoặc tương đương	Nepafenac	1mg/ml	Nhỏ mắt	BDG	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	40
171	Taflotan hoặc tương đương	Tafluprost	0,0375mg/2, 5ml	Nhỏ mắt	BDG	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	400
172	Travatan hoặc tương đương	Travoprost	0,04mg/ml	Nhỏ mắt	BDG	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Lọ	140
173	Tractocile hoặc tương đương	Atosiban (dưới dạng Atosiban acetate)	7,5mg/ml	Tiêm truyền	BDG	Dung dịch đậm đặc pha truyền tĩnh mạch	Lọ	35
174	Luvox 100mg hoặc tương đương	Fluvoxamin maleat	100mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	2.000
175	Zoloft hoặc tương đương	Sertraline (dưới dạng Sertraline HCL)	50mg	Uống	BDG	Viên nén bao phim	Viên	20.000
176	Cavinton hoặc tương đương	Vinpocetin	5mg	Uống	BDG	Viên nén	Viên	20.000

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
177	Cavinton forte hoặc trong đưng	Vinpocetin	10mg	Uống	BDG	Viên nén	Viên	40.000
178	Pulmicort Respules hoặc trong đưng	Budesonide	500mcg/2ml	Đường hô hấp	BDG	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Óng	20.000
179	Pulmicort Respules hoặc trong đưng	Budesonid	1mg/2ml	Đường hô hấp	BDG	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Óng	10.000
180	Symbicort Turbuhaler hoặc trong đưng	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 60 liều	Dạng hít	BDG	Thuốc bột để hít	Óng	3.000
181	Singulair 4mg hoặc trong đưng	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	4mg	Uống	BDG	Viên nén nhai	Viên	1.000
182	Ventolin Inhaler hoặc trong đưng	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	Đường hô hấp	BDG	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Bình	1.500
183	Combivent hoặc trong đưng	Ipratropium bromide anhydrous (cưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	0,500mg + 2,500mg	Khí dung	BDG	Dung dịch khí dung	Lọ	4.000
184	Seretide Evohaler DC 25/50mcg hoặc trong đưng	Fluticasone propionate ; Salmeterol xinafoate	Fluticasone propionate 50mcg; Salmeterol 25mcg/liều	Dạng hít	BDG	Thuốc phun mù hệ hỗn dịch để hít qua đường miệng	Bình	50
185	Seretide Evohaler DC 25/125mcg hoặc trong đưng	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	25mcg + 125mcg	Dạng hít	BDG	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Bình xịt	50

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
186	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg hoặc tương đương	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng salmeterol xinafoate micronised); Fluticason propionate (dạng micronised)	25mcg + 250mcg	Dạng hít	BDG	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	Bình xịt	50
187	Seretide Accuhaler 50/250mcg hoặc tương đương	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticason propionat 250mcg	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticason propionat 250mcg	Dạng hít	BDG	Bột hít phân liều	Bình	50
188	Seretide Accuhaler 50/500mcg hoặc tương đương	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg ; Fluticasone propionate 500mcg	50mcg/ 500mcg	Dạng hít	BDG	Bột hít phân liều	Bình	100
189	Survanta hoặc tương đương	Phospholipids (chiết xuất từ phổi bò)	25 mg/ ml	Đường nội khí quản	BDG	Hỗn dịch dùng đường nội khí quản	Lọ	65
190	Curosurf hoặc tương đương	Phospholipid chiết từ phổi lợn	120mg/ 1,5ml	Đường nội khí quản	BDG	Hỗn dịch bơm ống nội khí quản	Lọ	90
191	Morihepamin hoặc tương đương	L-Isoleucin + L-Leucin + LLysin acetat + LMethionin + LPhenylalanin + L-Threonin + L-Tryptophan + LValin + L-Alanin + L-Arginin + L-Aspartic acid + L-Histidin + L-Prolin + L-Serin + LTyrosin + Glycin	(0,920g + 0,945g + 0,395g + 0,044g + 0,030g + 0,214g + 0,070g + 0,890g + 0,840g + 1,537g + 0,020g + 0,310g + 0,530g + 0,260g + 0,040g + 0,540g)/100 ml x 200ml	Tiêm truyền	BDG	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi	500

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
192	Morihepamin hoặc tương đương	L-Isoleucin + L-Leucin + L-Lysin acetat + L-Methionin + L-Phenylalanin + L-Threonin + L-Tryptophan + L-Valin + L-Alanin + L-Arginin + L-Aspartic acid + L-Histidin + L-Prolin + L-Serin + L-Tyrosin + Glycin	(0,920g + 0,945g + 0,395g + 0,044g + 0,030g + 0,214g + 0,070g + 0,890g + 0,840g + 1,537g + 0,020g + 0,310g + 0,530g + 0,260g + 0,040g + 0,540g)/100 ml x 500ml	Tiêm truyền	BDG	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi	500
193	Primovist hoặc tương đương	Gadoxetate disodium	-0,25mmol/1 ml	Tiêm	BDG	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	30
194	Stivarga hoặc tương đương	Regorafenib	40mg	Uống	BDG	Viên	Viên	3.000
<b>Tổng cộng: 194 danh mục</b>								

*Handwritten signature*

**Phụ lục 2**  
**MẪU BÁO GIÁ**

**BÁO GIÁ**

**Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /BVCB ngày tháng năm của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới chúng tôi:

Công ty:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Email:.....

Báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

**BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA**

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	SĐK hoặc GPNK	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Giá bán buôn kê khai (đồng)	Đơn giá gồm VAT (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1															
2															
Cộng tổng: .... khoản															
Bảng chữ: ..... /.															

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 210 ngày, kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025.



3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm 2025

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

*(Ký tên, đóng dấu)*

*Qu*